

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN SINH LỚP 11
CUỐI HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2023-2024**

A.LÝ THUYẾT: PHẦN MA TRẬN ĐỀ

Nhận biết: 40%; thông hiểu: 30%; vận dụng: 20% -VDC: 10%

YCCĐ từ bài 15,16,17,18,19,20,21,23,24

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thờ i gian (ph út)	
			Số CH	Thờ i gian	Số C H	Th ờ i gia n	Số C H	Thờ i gian	Số CH	Thờ i gian	T N	T L		
1	Cảm ứng ở Sinh vật	Cảm ứng ở thực vật			1	1.25					2			
		Cảm ứng ở động vật	2	1.5	1	1.25					3			
		Tập tính động vật	1	0.75	1	1.25					2			
2	Sinh trưởng phát triển ở sinh vật	Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	1	0.75	1	1.25					2			
		Sinh trưởng và phát triển ở thực vật	1	0.75	1	1.25	1	6			2	1		
		Sinh trưởng và phát triển ở động vật	3	2.25	2	2.5	1	6	1	9	3	1		
3	Sinh sản ở sinh vật	Khái quát về sinh sản ở sinh vật	2	1.5	1	1.25					3			
		Sinh sản ở thực vật	2	1.5	1	1.25					4	1		
Tổng			12	12	9	12	2	12	1	9	28	3	45,0	10,0
Tỉ lệ %			40		30		20		10					100
Tỉ lệ chung (%)			70				30							

B. TRẮC NGHIỆM MINH HỌA

BÀI 14.. Khái quát về cảm ứng ở sinh vật

BÀI 15. Cảm ứng ở thực vật

Câu 1. Cảm ứng ở thực vật là:

- A. sự tiếp nhận và trả lời của thực vật đối với các kích thích từ môi trường.
- B. sự thay đổi hình dạng của thực vật gây ra bởi các kích thích từ môi trường.
- C. sự thay đổi xu hướng phát triển của thực vật gây ra bởi các kích thích từ môi trường.
- D. sự vận động của thực vật đối với các kích thích từ môi trường.

Câu 2. Cảm ứng ở thực vật gồm bao nhiêu **hình thức** sau đây?

- A. Vận động cảm ứng; Vận động định hướng
- B. Vận động cảm ứng; Vận động không gian
- C. Vận động định hướng; Vận động thời gian
- D. Vận động không gian; Vận động thời gian

Câu 3. Vận động hướng động (hướng động) là gì?

- A. Phản ứng của cơ quan thực vật vươn đều ra mọi phía có kích thích.
- B. Phản ứng của cơ quan thực vật với tác nhân kích thích một hướng xác định.
- C. Cử động sinh trưởng của cơ quan thực vật về phía có ánh sáng chiếu từ một phía.
- D. Vận động sinh trưởng của cây trước tác nhân kích thích không có hướng xác định.

Câu 4. Vận động của thực vật hướng về phía tác nhân kích thích được gọi là

- A. hướng động thích nghi.
- B. hướng động tích cực.
- C. hướng động dương.
- D. hướng động âm.

Câu 5. Vận động của thực vật tránh xa phía tác nhân kích thích được gọi là

- A. hướng động tránh xa.
- B. hướng động tiêu cực.
- C. hướng động dương.
- D. hướng động âm.

Câu 6. Khi đặt chậu cây ở vị trí nằm ngang, phần rễ sẽ sinh trưởng quay xuống đất, phần thân sinh trưởng cong lên phía ngược lại. Đây là một ví dụ về

- A. hướng nước.
- B. hướng trọng lực.
- C. hướng tiếp xúc.
- D. hướng sáng.



Câu 7. Cây non mọc thẳng, cây khỏe, lá xanh lục do điều kiện chiếu sáng như thế nào?

- A. Chiếu sáng từ hai hướng.
- B. Chiếu sáng từ ba hướng
- C. Chiếu sáng từ một hướng.
- D. Chiếu sáng từ nhiều hướng

Câu 8. Trồng cây trong một hộp kín có khoét một lỗ tròn. Sau thời gian ngọn cây mọc vươn về phía ánh sáng. Đây là thí nghiệm chứng minh loại hướng động nào?

- A. Hướng sáng.
- B. Hướng hóa.
- C. Hướng trọng lực.
- D. Hướng tiếp xúc.



Câu 9. Hướng tiếp xúc là gì?

- A. Hướng tiếp xúc là phản ứng sinh trưởng của cây đối với sự tiếp xúc.
- B. Hướng tiếp xúc là sự sinh trưởng của rễ để tăng diện tích tiếp xúc với đất.
- C. Hướng tiếp xúc là sự sinh trưởng của thân để tránh tiếp xúc với đất.
- D. Hướng tiếp xúc là sự vận động của thân (cành) để lá tăng diện tích tiếp xúc với ánh sáng.

Câu 10. Một bạn học sinh tiến hành thí nghiệm trồng cùng một loại cây theo 2 cách như hình dưới đây. Một chậu để thẳng đứng và một chậu để nằm ngang. Khi nói về thí nghiệm này, phát biểu nào sau đây đúng?

- 1. Thí nghiệm chứng minh cho tính hướng trọng lực của thân và rễ.
- 2. Hiện tượng này có ý nghĩa đảm bảo cây được định vị vững chắc, không bị đổ, chống lại gió bão.
- 3. Trọng lực làm auxin (AIA) ở 2 phía của thân và rễ không đều nhau.
- 4. TN cho thấy thân hướng sáng âm, rễ hướng trọng lực dương.



- A. 1, 2, 3.
- B. 1, 2, 4.
- C. 1, 3, 4.
- D. 2, 3, 4

Câu 11. Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng khi nói về vai trò của cảm ứng đối với thực vật?

- (1) Hướng sáng dương của thân và cành giúp cây quang hợp.
- (2) Hướng sáng âm và hướng trọng lực dương đảm bảo cho rễ mọc trong đất, hút nước và các chất dinh dưỡng.
- (3) Hướng hoá và hướng nước đảm bảo cho rễ cây sinh trưởng tới nguồn nước và phân bón để lấy nước và các chất dinh dưỡng.

(4) Vận động cảm ứng giúp thực vật thích nghi đa dạng với sự biến đổi của môi trường, đảm bảo cho thực vật tồn tại và phát triển.

A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Bài 17. Cảm ứng ở động vật

Câu 1. Ở động vật chưa có hệ thần kinh, cảm ứng là sự đến kích thích có lợi hoặc tránh xa kích thích có hại.

Cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

- A. chuyển động của từng cơ quan B. chuyển động của một phần cơ thể
C. chuyển động cục bộ D. chuyển động của cả cơ thể

Câu 2. Hệ thần kinh dạng chuỗi hạch thường gặp ở:

- A. Động vật có cơ thể đối xứng tỏa tròn. B. Động vật có xương sống.
C. Các ngành giun như Giun dẹp, Giun tròn. D. ruột khoang, chân khớp.

Câu 3. Mỗi hạch thần kinh trong hệ thần kinh chuỗi hạch là một(1)..... điều khiển hoạt động của(2).....

Các cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

- A. (1) cơ quan, (2) cả cơ thể.
B. (1) cơ quan, (2) một vùng xác định trên cơ thể.
C. (1) trung tâm, (2) cả cơ thể.
D. (1) trung tâm, (2) một vùng xác định trên cơ thể.

Câu 4. Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định đúng về hệ thần kinh dạng ống?

- (1) Hệ thần kinh ống cấu tạo từ rất lớn tế bào thần kinh.
(2) Hệ thần kinh ống gặp ở động vật thuộc các lớp Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim và Thú.
(3) Các tế bào thần kinh tập trung thành một ống nằm ở phần lưng cơ thể.
(4) Các tế bào thần kinh được phân chia thành thần kinh trung ương (gồm các hạch thần kinh và các dây thần kinh não, tủy) và thần kinh ngoại biên (gồm não bộ và tủy sống).

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 5. Hầu hết các neuron đều được cấu tạo từ:

- A. ba thành phần: thân, sợi trục, chùy synapse B. ba thành phần: thân, sợi nhánh, eo Ranvier.
C. ba thành phần: thân, eo Ranvier, chùy synapse. D. ba thành phần: thân, sợi nhánh, sợi trục.

Câu 6. Chức năng của neuron là:

- A. tiếp nhận kích thích, tạo ra xung thần kinh và truyền xung thần kinh ra toàn cơ thể.
B. tiếp nhận kích thích, tạo ra xung thần kinh và truyền xung thần kinh đến neuron khác hoặc tế bào khác.
C. tiếp nhận xung thần kinh, tạo các kích thích và dẫn truyền đến neuron khác hoặc tế bào khác.
D. tiếp nhận xung thần kinh, tạo các kích thích và dẫn truyền ra toàn cơ thể.

Câu 7. Loại thụ thể cảm giác nào sau đây chỉ đóng vai trò cảm nhận kích thích từ môi trường bên ngoài?

A. Thụ thể đau. B. Thụ thể nhiệt. C. Thụ thể điện từ. D. Thụ thể hoá học

Câu 8. Ý nào sau đây là đúng khi mô tả về đường dẫn truyền xung thần kinh trong cung phản xạ?

- A. Cơ quan thụ cảm → neuron cảm giác → trung ương thần kinh có các neuron trung gian → neuron vận động → cơ quan đáp ứng.
B. Cơ quan thụ cảm → neuron trung gian → trung ương thần kinh có các neuron cảm giác → neuron vận động → cơ quan đáp ứng.
C. Cơ quan thụ cảm → neuron vận động → trung ương thần kinh có các neuron trung gian → neuron cảm giác → cơ quan đáp ứng.
D. Cơ quan thụ cảm → neuron cảm giác → trung ương thần kinh có các neuron vận động → neuron trung gian → cơ quan đáp ứng.

Câu 9. Trong các bệnh sau đây, có bao nhiêu bệnh liên quan đến hệ thần kinh?

- (1) Alzheimer.
(2) Parkinson.
(3) Trầm cảm.
(4) Rối loạn cảm giác.

A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 10. Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng khi nói về ảnh hưởng của các chất ma túy đối với con người?

- (1) Sau nhiều lần sử dụng sẽ gây nghiện và lệ thuộc vào chúng.
- (2) Tạo cho con người cảm giác sảng khoái, hưng phấn, giảm căng thẳng và mệt mỏi.
- (3) Sử dụng ma túy quá liều có thể gây tử vong đột ngột.
- (4) Khi sử dụng lâu dài có tác dụng giảm đau, giảm căng thẳng.
- (5) Người sử dụng có thể có những hành vi gây nguy hại cho bản thân, gia đình và xã hội.

A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 11. Có bao nhiêu biện pháp sau đây nhằm đảm bảo hệ thần kinh được khoẻ mạnh?

- (1) Đảm bảo giấc ngủ hằng ngày hợp lí.
- (2) Cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cho cơ thể.
- (3) Sử dụng các chất để kích thích hoạt động của hệ thần kinh.
- (4) Thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao.

A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Bài 18. Tập tính ở động vật

Câu 1. Tập tính là gì?

- A. Tập tính là chuỗi phản ứng của động vật trả lời kích thích từ môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể).
- B. Tập tính là chuỗi phản xạ của động vật trả lời kích thích từ môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể).
- C. Tập tính là chuỗi phản ứng của động vật tiếp nhận kích thích từ môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể).
- D. Tập tính là chuỗi cảm ứng của động vật trả lời kích thích từ môi trường (bên trong hoặc bên ngoài cơ thể).

Câu 2. Tập tính bẩm sinh là:

- A. Sinh ra đã có, di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài
- B. Sinh ra vài tháng sau mới có, di truyền từ bố mẹ, đặc trưng cho loài
- C. Sinh ra đã có, không di truyền từ bố mẹ, không đặc trưng cho loài
- D. Là tập tính học được từ bố mẹ

Câu 3. Một ví dụ KHÔNG thuộc về tập tính bẩm sinh:

- A. Nhện thực hiện rất nhiều động tác nối tiếp để tạo thành tám lưới
- B. Tinh tinh lấy đá để đập quả dứa
- C. Chấm đỏ trên mỏ chim hải âu mẹ kích thích chim non ăn mồi
- D. Gà con chạy trốn khi thấy đám đen trên đầu sà xuống đất

Câu 4. Tập tính học được là:

- A. Sinh ra sau vài ngày là có, học hỏi từ bố mẹ
- B. Hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm
- C. Không phải là một hành động hay chuỗi hành động được quyết định bởi quá trình điều kiện hóa
- D. Luôn có thể phân biệt rạch ròi được với tập tính bẩm sinh

Câu 5. Ví dụ nào sau đây **không** thuộc dạng tập tính xã hội?

- A. Trong đàn sư tử, sư tử đực đầu đàn là con đực to khoẻ và hung dữ nhất; khi săn được mồi, con đực đầu đàn sẽ được ăn trước tiên.
- B. Hầu hết các công việc trong xã hội loài ong đều do ong thợ đảm nhận như xây tổ, kiếm ăn, chăm sóc con non, chiến đấu để bảo vệ tổ khi bị xâm phạm.
- C. Vào mùa đông, đàn ngỗng trời di cư từ phương bắc về phương nam để tránh rét.
- D. Sư tử đực chiến đấu để đánh đuổi các con đực lạ ra khỏi lãnh thổ của nó.

Câu 6. Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng khi nói về các hình thức học tập ở động vật?

- (1) Quen nhờn cho phép hệ thần kinh của động vật tập trung trả lời các kích thích làm tăng giá trị thích nghi và tồn tại hơn là các kích thích không có giá trị.
- (2) In vết là dạng tập tính dễ quan sát thấy ở các động vật non có kích thước nhỏ như ấu trùng, giun đất, san hô,...

- (3) Kết quả của việc học nhận biết không gian là hình thành được năng lực trí nhớ về cấu trúc không gian.
- (4) Học liên hệ là hình thức học tập dựa trên cơ sở của sự hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời.
- (5) Điều kiện hoá hành động là hình thức học tập của động vật có sự liên kết với một phần thưởng hoặc hình phạt.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 7. Nối cột A với cột B sao cho các ví dụ trùng khớp với tên của chúng.

A	B
1. Tập tính bảo vệ lãnh thổ	a. Bao gồm nhiều tập tính nhỏ như tìm kiếm bạn tình, ấp trứng, chăm sóc con,...
2. Tập tính sinh sản	b. Nếu kẻ khác cố tình xâm nhập và khu vực bảo vệ thì con chủ sẽ xua đuổi kẻ xâm nhập, đôi khi xảy ra các trận chiến dữ dội
3. Tập tính di cư	c. Chim bay về phương Nam khi mùa đông đến

A. 1-a, 2-b, 3-c B. 1-b, 2-a, 3-c C. 1-b, 2-c, 3-a D. 1-c, 2-b, 3-a

Câu 8. Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng khi nói về quá trình học tập ở người?

- (1) Quá trình học tập ở người dựa trên cơ sở là sự hình thành và củng cố các phản xạ có điều kiện.
- (2) Quá trình học tập ở người được chia thành các giai đoạn: tiếp nhận xử lý, ghi nhớ và củng cố thông tin.
- (3) Nhờ có tư duy, con người có thể sử dụng thông tin đã ghi nhớ trong những trường hợp cụ thể, đồng thời loại bỏ đi những thông tin đã cũ.
- (4) Nhờ có quá trình học tập mà con người có thể hình thành được các tập tính xã hội như các loài động vật khác.

A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 9. Ở một số loài động vật, các cá thể sống thành từng đàn, mỗi đàn có một con đầu đàn, nó chỉ huy cả đàn, được ưu tiên khi có thức ăn và được quyền sinh sản. Khi con đầu đàn chết hoặc già yếu thì con khỏe mạnh thứ hai kế tiếp con đầu đàn sẽ lên thay thế. Các hiện tượng trên mô tả dạng tập tính nào ở động vật?

A. tập tính xã hội. B. tập tính kiếm ăn. C. tập tính bảo vệ lãnh thổ. D. tập tính sinh sản.

Câu 10. ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG

Khi di cư, chim bồ câu định hướng bằng ..., trong khi ... định hướng nhờ vào thành phần hóa học của nước và dòng nước chảy.

A. Từ trường trái đất – cá. B. Vị trí trăng sao – cá
C. Từ trường trái đất – động vật trên cạn. D. Vị trí trăng sao – động vật trên cạn

Bài tập trắc nghiệm Bài 19

Câu 1. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Mọi ... đều sinh trưởng và phát triển.

A. sinh vật B. động vật C. thực vật D. nấm

Câu 2. Điều nào sau đây đúng với sinh trưởng ở sinh vật?

- A. Sinh trưởng là sự tăng về khối lượng và cấu trúc của các cơ quan.
- B. Sinh trưởng là sự tăng về khối lượng và kích thước của các cơ quan.
- C. Sinh trưởng là sự tăng về cấu trúc và chức năng của các cơ quan.
- D. Sinh trưởng là sự biến đổi về cấu trúc và chức năng của các cơ quan.

Câu 3. Phát triển là sự biến đổi về của tế bào, mô, cơ quan và cơ thể, diễn ra trong quá trình sống của sinh vật.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

- A. khối lượng và kích thước B. khối lượng và cấu trúc
C. cấu trúc và chức năng D. khối lượng và chức năng

Câu 4. Ví dụ không đúng về sự sinh trưởng của sinh vật là

A. hạt thành cây mầm. B. sự tăng kích thước lá. C. sự dài ra của rễ. D. tăng chiều cao cây.

Câu 5. Phát triển cơ thể biểu hiện qua bao nhiêu quá trình liên quan?

D. hình dạng và kích thước

Câu 19. Ở thực vật có hoa, tế bào thành tế bào tạo hoa và quả nhờ quá trình

- A. phát triển B. biệt hóa C. phân hóa D. sinh trưởng

Câu 20. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống:

Ở động vật sinh sản hữu tính, các tế bào phân hoá tạo thành các cơ quan, hệ cơ quan.

- A. hợp tử B. phôi C. trứng D. chồi

Bài tập trắc nghiệm BÀI 20

Câu 1. Đặc điểm nào không có ở sinh trưởng sơ cấp?

- A. Làm tăng kích thước chiều dài của cây. B. Diễn ra hoạt động của tầng sinh bần.
C. Diễn ra cả ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm. D. Diễn ra hoạt động của mô phân sinh đỉnh.

Câu 2. Mô phân sinh bên và phân sinh lóng có ở vị trí nào của cây?

- A. Mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.
B. Mô phân sinh bên có ở thân cây một lá mầm, còn mô phân sinh lóng có ở thân cây hai lá mầm.
C. Mô phân sinh bên có ở thân cây hai lá mầm, còn mô phân sinh lóng có ở thân cây một lá mầm.
D. Mô phân sinh bên và mô phân sinh lóng có ở thân cây hai lá mầm.

Câu 3. Sinh trưởng sơ cấp của cây là:

- A. Sự sinh trưởng của thân và rễ theo chiều dài do hoạt động của mô phân sinh đỉnh.
B. Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động phân hoá của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ ở cây một lá mầm và cây hai lá mầm.
C. Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây hai lá mầm.
D. Sự tăng trưởng chiều dài của cây do hoạt động nguyên phân của mô phân sinh đỉnh thân và đỉnh rễ chỉ có ở cây một lá mầm.

Câu 4. Sinh trưởng thứ cấp là:

- A. Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân thảo hoạt động tạo ra.
B. Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh bên của cây thân gỗ hoạt động tạo ra.
C. Sự tăng trưởng bề ngang của cây một lá mầm do mô phân sinh bên của cây hoạt động tạo ra.
D. Sự tăng trưởng bề ngang của cây do mô phân sinh lóng của cây hoạt động tạo ra.

Câu 5. Gibberellin có vai trò:

- A. Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.
B. Làm giảm số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và chiều dài thân.
C. Làm tăng số lần nguyên phân, giảm chiều dài của tế bào và tăng chiều dài thân.
D. Làm tăng số lần nguyên phân, chiều dài của tế bào và giảm chiều dài thân.

Câu 6. Một chu kì sinh trưởng và phát triển của cây bắt đầu từ:

- A. Khi ra hoa đến lúc cây chết
B. Khi hạt nảy mầm đến khi tạo hạt mới.
C. Khi nảy mầm đến khi cây ra hoa.
D. Khi cây ra hoa đến khi hạt nảy mầm.

Câu 7. Cho các chất gồm auxin, ethylene, abscisic acid, cytokinin, phenol, gibberellin. Các chất có vai trò kích thích sinh trưởng là:

- A. Abscisic acid, phenol. B. Auxin, gibberellin, cytokinin.
C. Abscisic acid, phenol, cytokinin. D. Tất cả các chất trên.

Câu 8. Ethylene có vai trò:

- A. Thúc quả chóng chín, ức chế rụng lá và rụng quả.
B. Thúc quả chóng chín, rụng quả, kìm hãm rụng lá.
C. Thúc quả chóng chín, rụng lá kìm hãm rụng quả.
D. Thúc quả chóng chín, rụng lá, rụng quả.

Câu 9. Cây dài ngày là:

- A. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 8 giờ.
B. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 10 giờ.
C. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 12 giờ.
D. Cây ra hoa trong điều kiện chiếu sáng hơn 14 giờ.

Câu 10: Những yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật?

- A. Nước và ánh sáng B. Nhiệt độ C. Chất khoáng D. Tất cả đều đúng

Câu 11: Mô phân sinh là?

- A. Nhóm tế bào phân hóa, không có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật
 B. Nhóm tế bào chưa phân hóa, có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật
 C. Nhóm tế bào chưa phân hóa, không có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật
 D. Nhóm tế bào phân hóa, có khả năng phân chia tạo tế bào mới trong suốt đời sống thực vật

Câu 12: Quá trình phát triển ở thực vật có hoa là?

- A. Sự thay đổi về hình thái, cấu tạo mô, cơ quan C. Sự thay đổi về cấu trúc gene
 B. Sự thay đổi về các amino acid D. Sự thay đổi về hình thái, cấu trúc các protein

Câu 13: Hoocmôn thực vật là những chất hữu cơ cho cơ thể thực vật tiết ra

- A. Có tác dụng điều hòa hoạt động của cây C. Chỉ có tác dụng ức chế hoạt động của cây
 B. có tác dụng kháng bệnh cho cây D. chỉ có tác dụng kích thích sinh trưởng của cây

Câu 14: Khi nói về sinh trưởng thứ cấp, phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Sinh trưởng thứ cấp là sự gia tăng về chiều dài của cơ thể thực vật
 B. Sinh trưởng thứ cấp là do hoạt động của mô phân sinh bên
 C. Sinh trưởng thứ cấp có ở tất cả các loài thực vật hạt kín
 D. Sinh trưởng thứ cấp chỉ có ở thực vật một lá mầm

Câu 15: Quá trình nào sau đây là quá trình sinh trưởng của thực vật?

- A. Cơ thể thực vật ra hoa
 B. Cơ thể thực vật tạo hạt
 C. Cơ thể thực vật tăng kích thước
 D. Cơ thể thực vật rụng lá, hoa

NỘI DUNG TRẮC NGHIỆM BÀI 21

Câu 1: Nhân tố nào là nhân tố bên trong tham gia điều hòa quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật?

- A. Testosteron B. Tiroxin C. Thức ăn D. Hoocmon

Câu 2: Testosterone được sinh sản ra ở

- A. tuyến giáp B. tuyến yên C. tinh hoàn D. buồng trứng

Câu 3: Sinh trưởng của cơ thể động vật là quá trình tăng kích thước của

- A. các hệ cơ quan trong cơ thể B. cơ thể do tăng kích thước và số lượng tế bào
 C. các mô trong cơ thể D. các cơ quan trong cơ thể

Câu 4: Tác dụng của hoocmon sinh trưởng GH là:

- A. Tăng cường tất cả các quá trình trao đổi chất trong cơ thể B. Tăng cường khả năng hấp thụ các chất protein, lipid, glucit
 C. Tăng cường quá trình tổng hợp protein D. Tăng cường quá trình chuyển hóa Ca vào xương

Câu 5: Trong quá trình phát triển ở động vật, trong giai đoạn phát triển phôi có các giai đoạn kế tiếp nhau là:

- A. Phân cắt trứng - Phôi vị - Phôi nang - Mầm cơ quan
 B. Phân cắt trứng- Phôi nang- Phôi vị - Mầm cơ quan
 C. Phân cắt trứng - Mầm cơ quan- Phôi vị- Phôi nang
 D. Phân cắt trứng - Mầm cơ quan - Phôi nang - Phôi vị

Câu 6: Quá trình phát triển của động vật đẻ trứng gồm giai đoạn

- A. Phôi B. Phôi và hậu phôi C. Hậu phôi D. Phôi thai và sau khi sinh

Câu 7: Kiểu phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà còn non có đặc điểm hình thái

- A. sinh lý rất khác với con trưởng thành B. cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý
 C. cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành D. cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành

Câu 8: Biến thái là sự thay đổi

- A. đột ngột về hình thái, cấu tạo và từ từ về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở ra từ trứng
 B. từ từ về hình thái, cấu tạo và đột ngột về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở ra từ trứng

C. đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở ra từ trứng

D. từ từ về hình thái, cấu tạo và về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở ra từ trứng

Câu 9: Khi nói về sự phát triển của động vật, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Quá trình phân chia tế bào sinh dưỡng làm tăng trưởng các bộ phận cơ quan của cơ thể

B. Quá trình biến đổi bao gồm sinh trưởng, phân hóa (biệt hóa) tế bào và phát sinh các cơ quan và cơ thể

C. Quá trình sinh sản, làm tăng số lượng các thể trong quá trình ngày càng nhiều

D. Giai đoạn cơ thể phát dục, có khả năng sinh sản

Câu 10: Quá trình phát triển của động vật đẻ con gồm giai đoạn

A. Phôi B. Phôi và hậu phôi C. Hậu phôi D. Phôi thai và sau khi sinh

Câu 11: Nếu tuyến yên sản sinh ra quá ít hoặc quá nhiều hoocmôn sinh trưởng ở giai đoạn trẻ em sẽ dẫn đến hậu quả

A. chậm lớn hoặc ngừng lớn, trí tuệ kém B. các đặc điểm sinh dục phụ nữ kém phát triển

C. người bé nhỏ hoặc khổng lồ D. các đặc điểm sinh dục nam kém phát triển

Câu 12: Hoocmôn sinh trưởng có vai trò

A. Tăng cường quá trình sinh tổng hợp protein, do đó kích thích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, vì vậy làm tăng cường sự sinh trưởng của cơ thể

B. kích thích chuyển hóa ở tế bào và sinh trưởng, phát triển bình thường của cơ thể

C. kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực

D. kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái

Câu 13: Khi nói về biến thái ở động vật, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Giữa các giai đoạn có sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật trong quá trình sinh trưởng và phát triển

B. Giữa các giai đoạn có sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật trong giai đoạn hậu phôi

C. Giữa các giai đoạn có sự thay đổi đột ngột về hình thái trong quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật

D. Giữa các giai đoạn có sự thay đổi đột ngột về sinh lý trong quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật

Câu 14: Kiểu phát triển của động vật qua biến thái hoàn toàn là kiểu phát triển mà còn non có đặc điểm hình thái

A. sinh lý rất khác với con trưởng thành

B. cấu tạo tương tự với con trưởng thành, nhưng khác về sinh lý

C. cấu tạo và sinh lý tương tự với con trưởng thành

D. cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành

Câu 15: Loại hoocmôn nào sau đây liên quan đến bệnh bướu cổ?

A. Testosteron B. Tiroxin C. Otrogen D. Insualin

Câu 16: Đối với gia súc, ở mùa có khí hậu lạnh thì sự sinh trưởng và phát triển chậm hơn mùa có khí hậu thích hợp. Nguyên nhân chủ yếu là vì:

A. Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hóa, sinh sản giảm

B. Cơ thể mất nhiều năng lượng để duy trì thân nhiệt

C. Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hóa trong cơ thể giảm làm hạn chế tiêu thụ năng lượng

D. Thân nhiệt giảm làm cho sự chuyển hóa trong cơ thể giảm, sinh sản tăng

Câu 17: Tắm nắng vào lúc sáng sớm hay chiều tối (ánh sáng yếu) có lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của trẻ nhỏ vì tia tử ngoại làm cho tiền vitamin D biến thành vitamin D có vai trò

A. chuyển hóa Na để hình thành xương B. chuyển hóa Ca để hình thành xương

C. chuyển hóa K để hình thành xương D. oxi hóa để hình thành xương

Câu 18: Östrogen có vai trò

A. Kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con đực

B. tăng cường quá trình sinh tổng hợp protein, do đó kích quá trình phân bào và tăng kích thước tế bào, qua đó làm tăng sự sinh trưởng của cơ thể

C. kích thích sự sinh trưởng và phát triển các đặc điểm sinh dục phụ ở con cái

D. kích thích chuyển hóa ở tế bào, kích thích quá trình sinh trưởng và phát triển bình thường của cơ thể

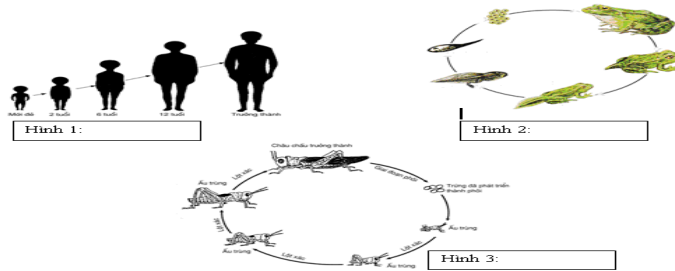
Câu 19: Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là trường hợp ấu trùng phát triển

- A. hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành
- B. chưa hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành
- C. chưa hoàn thiện, qua một lần lột xác ấu trùng biến thành con trưởng thành
- D. chưa hoàn thiện, qua nhiều lần lột xác ấu trùng biến thành con trưởng thành

Câu 20: Trong các yếu tố sau, yếu tố nào là tác nhân ảnh hưởng mạnh mẽ nhất lên quá trình sinh trưởng và phát triển của động vật và người?

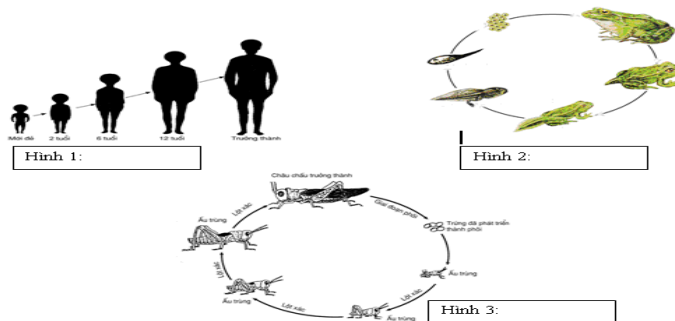
- A. Thức ăn
- B. Nhiệt độ môi trường
- C. Độ ẩm
- D. Ánh sáng

Câu 21. Dưới đây là sơ đồ phát triển của sinh vật, hãy cho biết hình nào mô tả quá trình biến thái hoàn toàn?



- A. Hình 1
- B. Hình 2
- C. Hình 3
- D. Không có hình nào trong các hình trên

Câu 22. Dưới đây là sơ đồ phát triển của sinh vật, hãy cho biết hình nào mô tả quá trình biến thái không hoàn toàn?



- A. Hình 1
- B. Hình 2
- C. Hình 3
- D. Không có hình nào trong các hình trên

Câu 23. Nối hình thức phát triển của sinh vật với đặc điểm tương ứng:

1. Phát triển qua biến thái hoàn toàn	a. Con mới nở đã có hình dạng, cấu tạo và sinh lý gần giống với con trưởng thành
2. Phát triển qua biến thái không hoàn toàn	b. Con non mới nở hoặc mới sinh có hình thái, cấu tạo và sinh lý tương tự con trưởng thành
3. Phát triển không qua biến thái	c. Con mới nở có hình dạng, cấu tạo và sinh lý rất khác với con trưởng thành

- A. 1-a, 2-b, 3-c
- B. 1-c, 2-a, 3-b
- C. 1-c, 2-b, 3-c
- D. 1-a, 2-c, 3-b

Câu 24: Các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật là

- A. Di truyền, thức ăn, nhiệt độ
- B. thức ăn, nhiệt độ, hormone
- C. thức ăn, nhiệt độ, ánh sáng
- D. di truyền, nhiệt độ, hormone

Câu 25: Giai đoạn dậy thì có nhiều thay đổi về thể chất, tâm lý, sinh lý, nguyên nhân là do

- A. sự thay đổi môi trường sống
- B. sự thay đổi môi trường học tập
- C. sự thay đổi lượng hormone trong cơ thể
- D. sự thay đổi về tuổi tác

Câu 26: Quan hệ tình dục không an toàn ở người chưa thành niên có thể dẫn đến hậu quả:

1. Mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục
2. Mang thai ngoài ý muốn
3. Tổn thương tinh thần, tâm lý
4. Ảnh hưởng đến học tập và cuộc sống

A. 1

B. 2.

C. 3

D. 4

Câu 27: Biện pháp nào sau đây không có tác dụng giáo dục giới tính

- A. Tìm hiểu những kiến thức về giới tính và sức khỏe sinh sản từ những nguồn thông tin đáng tin cậy
- B. Không nên quan hệ tình dục trước tuổi trưởng thành
- C. Ngăn cấm không cho yêu sớm
- D. Giáo dục giới tính từ sớm

Câu 28: Các biện pháp tác động lên tốc độ sinh trưởng và phát triển của động vật là

1. Xây dựng chế độ ăn thích hợp cho vật nuôi
2. Chọn giống có tốc độ sinh trưởng và phát triển nhanh
3. Tiêu diệt động vật gây hại ngay giai đoạn chúng gây hại nhiều nhất
4. Cải tạo môi trường sống của động vật

A. 3

B. 1

C. 2.

D. 4.

Câu 29: Hormone sinh dục ở nữ là

- A. Oxytocin
- B. Testosterone
- C. Estrogen
- D. Insulin

Câu 30: Hormone sinh dục ở nam là

- A. Oxytocin
- B. Testosterone
- C. Estrogen
- D. Insulin

NỘI DUNG TRẮC NGHIỆM BÀI 23-24

Câu 1. Sinh vật duy trì nòi giống nhờ quá trình

- A. hô hấp
- B. tiêu hoá
- C. sinh sản
- D. quang hợp

Câu 2. Hình thức sinh sản ở sinh vật là

- A. sinh sản hữu tính
- B. sinh sản vô tính
- C. sinh sản hữu tính và sinh sản vô tính
- D. Nhân bản.

Câu 3. Sinh sản là:

- A. một trong những đặc trưng cơ bản của cơ thể sống
- B. quá trình tạo ra những cá thể mới, đảm bảo sự phát triển liên tục của loài.
- C. quá trình trao đổi và tổng hợp năng lượng.
- D. quá trình tạo ra quả và hạt ở thực vật.

Câu 4. Điều không phải là đặc điểm quá trình sinh sản?

- A. Sinh sản tạo ra các cá thể mới mang đặc điểm, đặc trưng của loài
- B. Mục tiêu của sinh sản là đảm bảo sự tồn tại và phát triển liên tục của loài
- C. Sinh sản bao gồm sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.
- D. Mục tiêu của sinh sản là đảm bảo sự tồn tại và phát triển ngắn hạn của loài

Câu 5. Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản trong đó cá thể mới được tạo thành từ cá thể mẹ trước và

- A. không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái
- B. chỉ có sự kết hợp giữa hai giao tử cái.
- C. chỉ có sự kết hợp giữa hai giao tử đực
- D. có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây không thuộc sinh sản vô tính?

- A. Cơ thể con sinh ra hoàn toàn giống nhau và giống cơ thể mẹ ban đầu
- B. Tạo ra cá thể mới rất đa dạng về các đặc điểm thích nghi
- C. Tạo ra số lượng lớn con cháu trong một thời gian ngắn
- D. Tạo ra các cá thể thích nghi tốt với môi trường sống ổn định

Câu 7. Trong các hình thức sinh sản dưới đây, điều không phải ví dụ về sinh sản vô tính?

- A. Sinh sản bằng bào tử của rêu.
- B. Sinh sản bằng thân rễ ở cây rau má.
- C. Sinh sản bằng hạt ở cây lúa.
- D. Sinh sản bằng củ ở gừng.

Câu 8. Khẳng định nào sau đây không đúng?

- A. Sinh sản vô tính chỉ có ở thực vật
- B. Ở sinh sản vô tính, cá thể mới được hình thành từ một tế bào, mô hoặc cơ quan của thể hệ trước
- C. Nguyên phân là cơ sở tế bào giúp truyền đạt vật chất di truyền trong sinh sản vô tính

D. Sinh sản vô tính không có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái.

Câu 9. Hình thức sinh sản vô tính ít phổ biến ở

- A. thực vật. B. vi sinh vật. C. động vật. D. vi khuẩn.

Câu 10. Sinh sản vô tính ở động vật là từ một cá thể

- A. sinh ra một hay nhiều cá thể giống hoặc khác mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng
B. luôn sinh ra nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.
C. sinh ra một hay nhiều cá thể giống hoặc khác mình, có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng
D. luôn sinh ra nhiều cá thể giống mình, có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

Câu 11. Trong sinh sản, quá trình sinh ra cá thể mới mà có sự kết hợp giữa giao tử đực và giao tử cái được gọi là

- A. sinh sản hữu tính B. sinh sản sinh dưỡng
C. trinh sinh D. sinh sản vô tính

Câu 12. Một hạn chế của sinh sản vô tính là

- A. Tạo ra một số lượng lớn cá thể mới trong thời gian ngắn
B. có vai trò quan trọng trong duy trì đặc điểm của loài, cơ thể và sinh vật.
C. các cá thể mới chỉ thích nghi tốt trong môi trường ổn định, nên dễ xảy ra hiện tượng chết hàng loạt khi môi trường có nhiều biến động
D. Cá thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn có thể tạo ra con cháu

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây thuộc sinh sản hữu tính?

- A. Cơ thể con sinh ra hoàn toàn giống nhau và giống cơ thể mẹ ban đầu
B. Tạo ra cá thể mới rất đa dạng về các đặc điểm thích nghi
C. Tạo ra số lượng lớn con cháu trong một thời gian ngắn
D. Tạo ra các cá thể thích nghi tốt với môi trường sống ổn định

Câu 14. Trong sinh sản hữu tính, cá thể mới được phát triển từ

- A. mô B. trứng C. cơ thể mới D. hợp tử

Câu 15: Điền vào chỗ trống: “Sinh sản hữu tính là hình thức sinh sản trong đó có sự kết hợp của... hình thành hợp tử, từ đó phát triển thành cá thể mới”

- A. hợp tử và giao tử cái B. giao tử đực và giao tử cái
C. giao tử đực và hợp tử D. hai giao tử đực

Câu 16: Để nhân giống cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành vì

- A. cây con dễ trồng và ít công chăm sóc.
B. phương pháp này giúp nhân giống nhanh và nhiều
C. phương pháp này giúp rút ngắn thời gian sinh trưởng của cây, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả
D. phương pháp này giúp tránh được sâu bệnh gây hại.

Câu 17. Trường hợp nào sau đây không phải là sinh sản vô tính ở thực vật?

- A. Cây cỏ gấu non phát triển từ rễ củ.
B. Cây dương xỉ non phát triển từ bào tử.
C. Cây sắn dây phát triển từ một đoạn thân.
D. Cây táo non phát triển từ hạt.

Câu 18. Chúng ta có thể nhân giống cây khoai tây bằng bộ phận nào của cây?

- A. Lá.
B. Thân củ.
C. Hạt giống
D. Rễ

Câu 19. Thụ phấn chéo là sự thụ phấn giữa

- A. hạt phấn của cây này với nhụy của cây khác loài
B. hạt phấn với nhụy của cùng một hoa của cùng một cây
C. hạt phấn của cây này với nhụy của cây khác cùng loài
D. hạt phấn của cây này với nhụy của hoa khác.